

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH ĐIỆN BIÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 141/2018/HS-ST

Ngày 15-6-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ
TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông **Nguyễn Mạnh Huấn**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Cà Văn Pánh** và Ông **Lường Văn Hịa**

- Thư ký phiên toà: Bà **Nguyễn Thị Yên**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

- Đại diện VKSND huyện Đ, tỉnh Điện Biên tham gia phiên toà:
Ông **Hứa Ngọc Thông**, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

Trong ngày 15 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 110/2018/TLST-HS ngày 12 tháng 3 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 138/2018/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 5 năm 2018 đối với bị cáo:

Lường Văn C, sinh năm 1982, tại Điện Biên; Tên gọi khác: Không.

Nơi ĐKKTT và chỗ ở: Bản P 2, xã M, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

Nghề nghiệp: Nhân viên khuyến nông cấp xã; Trình độ học vấn: Lớp 9/12.

Dân tộc: Thái; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam

Con ông: **Lường Văn T**, sinh năm 1965.

Con bà: **Cầm Thị N**, sinh năm 1966.

Bị cáo có vợ **Lò Thị B** và hai con, con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2011.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Bị cáo không có án tích, không bị xử phạt vi phạm hành chính.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 03/7/2018, có mặt.

*** Nguyên đơn dân sự:** Ủy ban nhân dân xã M, huyện Đ, tỉnh Điện Biên
Người đại diện theo pháp luật bà **Thắm Thị H**, chức vụ Chủ tịch UBND xã M, huyện Đ.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Mùa A K, chức vụ Phó Chủ tịch UBND xã M, huyện Đ, có mặt, có mặt.

*** Người có nghĩa vụ liên quan:**

1. Lò Văn V, sinh năm 1975, địa chỉ Trung tâm xã M, huyện Đ, xin xét xử vắng mặt.
2. Lò Văn T, sinh năm 1958, địa chỉ bản K, xã M, huyện Đ, xin xét xử vắng mặt.
3. Lê Duy B, sinh năm 1958, nơi công tác Trạm giống huyện Đ, tỉnh Điện Biên, xin xét xử vắng mặt.
4. Tòng Thị O, sinh năm 1986, địa chỉ đội 11, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên, có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lường Văn C được Ủy ban nhân dân huyện Đ ký hợp đồng lao động làm nhân viên khuyến nông cấp xã, công tác tại xã M, huyện Đ từ năm 2011. Từ ngày 23/01/2016 đến ngày 28/01/2016 trên địa bàn huyện Đ xảy ra đợt rét đậm rét hại làm nhiều diện tích lúa, hoa màu, gia súc, gia cầm trên địa bàn bị thiệt hại trong đó có xã M. Trên cơ sở ý kiến chỉ đạo của phòng Nông nghiệp huyện Đ về việc rà soát, tổng hợp báo cáo nhanh về diện tích lúa, hoa màu, gia súc, gia cầm bị thiệt hại. Ông Lò Văn T, Chủ tịch UBND xã M đã báo cáo Đảng ủy xã M và tiến hành triệu tập cuộc họp gồm Đảng ủy, HĐND, UBND xã để tổ chức triển khai thực hiện. Trên cơ sở kết quả cuộc họp, ngày 01/02/2016, UBND xã M đã ban hành Quyết định số 04, Về việc thành lập Ban chỉ đạo và phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên của ban chỉ đạo. Trong đó ông Lò Văn V, Phó chủ tịch UBND xã là trưởng ban chỉ đạo có trách nhiệm chỉ đạo việc rà soát, thống kê, kiểm tra thiệt hại, nhận các khoản hỗ trợ do huyện cấp, trực tiếp chỉ đạo việc cấp phát các khoản hỗ trợ của Nhà nước cho các thôn, bản, các hộ dân. Lường Văn C có trách nhiệm tổng hợp diện tích lúa bị thiệt hại do các bản, đội đã rà soát, báo cáo về UBND xã, đồng thời C có trách nhiệm tiếp nhận, quản lý và cấp phát thóc giống cho các bản, đội trong xã M.

Trên cơ sở báo cáo của các bản, đội và kết quả kiểm tra thực tế, ngày 01/02/2016 UBND xã M ban hành báo cáo số 10 gửi UBND huyện Đ, về việc thiệt hại cây trồng, thủy sản đợt rét đậm, rét hại từ ngày 23 đến 28/01/2016 trên địa bàn xã M, với tổng diện tích lúa bị thiệt hại trên địa bàn xã là 140ha. Ngày 02/02/2016, UBND xã M ban hành tờ trình số 05 gửi UBND huyện Đ về việc xin hỗ trợ giống lúa bị thiệt hại. Căn cứ chỉ đạo của UBND huyện Đ và Công văn số 152/SNN-TT ngày 01/02/2016 của Sở nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Điện Biên, về việc khôi phục sản xuất nông nghiệp bị thiệt hại do rét đậm, rét hại. Để kịp thời

khắc phục hậu quả do thiên tai gây ra UBND xã M đã liên hệ với Trạm giống huyện Đ, tỉnh Điện Biên cung ứng 14.000 kg thóc giống loại Bắc thơm số 7 địa phương cho UBND xã. Bị cáo đã nhận thóc giống do Trạm giống huyện Đ chuyển đến lần 1 ngày 03/02/2016 số lượng là 10.000 kg. Lần 2 vào ngày 04/02/2016 số lượng là 4.000 kg.

Quá trình nhận thóc do tại trụ sở UBND xã M không có chỗ để và không có nguồn chi trả chi trả tiền bốc xếp thóc từ xe ô tô xuống, nên UBND xã đã thông nhất để toàn bộ số thóc giống 14.000 kg tại nhà ở của Lường Văn C và giao cho bị cáo chủ động thuê người bốc xếp thóc xuống, đồng thời bị cáo có trách nhiệm quản lý và thực hiện luôn việc cấp phát thóc giống cho các bản, đội.

Khi tổng hợp danh sách diện tích lúa bị thiệt hại và được UBND xã thông báo nhận số thóc giống được hỗ trợ là 14.000 kg, bị cáo thấy số lượng thóc giống được hỗ trợ lớn, vì theo bị cáo biết số lượng thóc giống để gieo trồng chỉ từ 06-08kg/1000m² ruộng. Xuất phát từ nhận thức đó nên bị cáo đã nảy sinh ý định chiếm đoạt thóc giống để sử dụng và đem bán lấy tiền chi tiêu cá nhân. Ngày 04/02/2016, sau khi nhận được thông báo của Trạm giống huyện Đ tiếp nhận tiếp 4.000 kg thóc giống, Lường Văn C đã trao đổi với ông Lê Duy B là Trạm trưởng Trạm giống huyện Đ cho gửi lại 1000 kg thóc giống. Ông B đồng ý và cho nhân viên chuyển vào xã M giao cho C 3.000 kg, khi giao nhận xong C đã ký nhận đủ 14.000 kg thóc theo hợp đồng.

Sau khi nhận thóc giống C đã tiến hành thông báo cho trưởng, phó các bản đến nhận thóc giống do Nhà nước hỗ trợ. Để chiếm đoạt một phần thóc giống, bị cáo đã cấp không đủ số lượng thóc mà Nhà nước hỗ trợ cho nhân dân. Cụ thể khi các trưởng, phó các bản đến nhận thóc giống bị cáo đã cho các trưởng, phó bản ký nhận vào một quyển sổ tay vở học sinh có ghi số lượng thóc thực nhận, tiếp sau đó bị cáo cho các trưởng, phó bản ký vào danh sách cấp phát cho các bản nhưng chưa ghi số lượng thóc giống được nhận, đồng thời bị cáo đưa cho các trưởng, phó bản danh sách cấp phát thóc giống cho từng hộ nhưng chưa ghi tên các chủ hộ và số lượng thóc cấp cho từng hộ.

Tổng số thóc giống loại bắc thơm số 7 địa phương bị cáo đã thực cấp cho 25 trưởng, phó bản, xã M là 8.980 kg.

Để cân đối số thóc đã chiếm đoạt, Lường Văn C đã viết thêm số lượng thóc đã cấp phát vào sổ tay cấp phát thóc cho các trưởng bản, phó bản và ghi số lượng thóc cấp phát vào danh sách cấp phát cho các trưởng, phó bản đồng thời ghi số lượng thóc đã cấp phát vào danh sách cấp phát cho các hộ dân mà các trưởng, phó bản còn để trống để phù hợp cho việc thanh quyết toán sau này.

Tổng số thóc giống bị cáo đã vào danh sách không cho 25 bản là 5020 kg số thóc này sau khi chiếm đoạt bị cáo đã gửi tại Trạm giống huyện Đ 1000 kg; bị cáo bán cho một người đàn ông khoảng 50 tuổi là lái xe ô tô bán hàng rong không biết tên tuổi địa chỉ 2.000 kg được 16.000.000 đồng. Số tiền này bị cáo đã sử dụng hết

cho cá nhân; Số thóc 2.020kg còn lại bị cáo để sử dụng trong sinh hoạt của gia đình.

Quá trình cấp phát thóc giống cho các bản bị cáo C đã thu tiền bốc xếp thóc của 16 bản được 2.450.000 đồng và đã chi trả toàn bộ công bốc vác 13 tấn thóc giống cho bà Lò Thị L, sinh năm 1987 địa chỉ bản Phăng 2, xã M, huyện Đ.

Cáo trạng số 57/CT-VKSĐB ngày 12/3/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ truy tố bị cáo Lương Văn C về tội "Tham ô tài sản", theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 353 Bộ luật Hình sự năm 2015.

L luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ điểm d khoản 2, khoản 5 Điều 353 Bộ luật hình sự năm 2015; Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Điều 7 Bộ luật Hình sự 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 để áp dụng các quy định của pháp luật đối với bị cáo; Áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo điểm l khoản 1 Điều 52 và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS năm 2015 đối với bị cáo.

Xử phạt bị cáo Lương Văn C từ 07 năm tù đến 07 năm 06 tháng tù về tội Tham ô tài sản.

Đề nghị Hội đồng xét xử cấm bị cáo đảm nhiệm chức vụ từ 01 đến 02 năm kể từ ngày bị cáo chấp hành xong hình phạt chính; không áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo.

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu sung ngân sách Nhà nước số tiền 54.200.000 đồng, trong đó: 50.000.000 đồng là do bị cáo tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả và 4.200.000 đồng là tiền bán đầu giá 1.000 kg thóc Cơ quan điều tra thu giữ của bị cáo. Toàn bộ số tiền trên hiện đang quản lý trong tài khoản tạm giữ của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tại Kho bạc Nhà nước huyện Đ.

Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Các Điều 584, 585, 589 Bộ luật dân sự năm 2015, buộc bị cáo phải hoàn trả số tiền 100.400.00 đồng. Đã thu 55.400.000 đồng, chưa thu 45.000.000 đồng để sung Ngân sách Nhà nước là giá trị tài sản bị cáo đã chiếm đoạt của Nhà nước.

Căn cứ khoản 2 Điều 136 BLTTHS và điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Miễn án phí HSST và án phí DSST có giá ngạch cho bị cáo.

Đại diện của nguyên đơn dân sự yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại là số tiền chiếm đoạt cho Nhà nước, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về chứng cứ phạm tội:

Đơn trình báo của nhân dân bản B, xã M, huyện Đbút lục số 01 với nội dung đề nghị Công an huyện Đ xem xét làm rõ đối với cán bộ khuyến nông xã M là Lương Văn C và UBND xã M trong việc không minh bạch khi cấp phát thóc giống Bắc thơm.

Công văn về việc khôi phục sản xuất nông nghiệp bị thiệt hại do rét đậm, rét hại của Trung ương, của tỉnh và của huyện Đ từ bút lục số 110 đến 121 chứng minh nguồn gốc của đợt hỗ trợ, nguồn kinh phí hỗ trợ của Nhà nước.

Quyết định về việc hợp đồng nhân viên khuyến nông cấp xã từ bút lục 174 đến 182 chứng minh bị cáo là nhân viên khuyến nông hợp đồng đảm trách chức vụ khuyến nông xã M.

Quy chế làm việc của UBND xã M nhiệm kỳ 2011 - 2016; nhiệm kỳ 2016 - 2021 tại bút lục từ 187 đến 211 chứng minh bị cáo được giao nhiệm vụ quản lý, hoạt động trong lĩnh vực nông, lâm, ngư nghiệp.

Danh sách cấp phát tổng hợp bản, đội được hỗ trợ giống lúa vụ chiêm xuân năm 2016 từ bút lục số 123 đến 171 chứng minh bị cáo đã hợp lý danh sách khớp với số lượng thóc giống bị cáo đã nhận.

Biên bản giao nhận giống, phiếu xuất kho của Trạm giống Nông nghiệp huyện Đ tại bút lục 66, 67 chứng minh bị cáo Lương Văn C đã nhận đủ 14.000 kg thóc giống Bắc thơm số 7 địa phương.

Sổ viết tay của bị cáo từ bút lục số 68 đến 71 chứng minh các số liệu ghi trong sổ của bị cáo là số liệu cộng thêm các con số của danh sách cấp phát giống chết rét năm 2016.

Biên bản ghi lời khai, đối chất của các trưởng bản, đội trưởng các bản đội xã M từ bút lục số 228 đến số 614 chứng minh kết quả của việc nhận thóc giống trên thực tế và trên chứng từ bị cáo xây dựng có sự chênh lệch của 5020 kg thóc giống Bắc thơm số 7 địa phương.

Bản tự khai, biên bản ghi lời khai, biên bản hỏi cung bị can Lương Văn C tại các bút lục từ 676 đến 726 chứng minh bị cáo đã chiếm đoạt 5020 kg thóc để sử dụng cá nhân. Trong đó 1000 kg thóc giống bị cáo gửi tại kho của Trạm giống Nông nghiệp huyện Đ, 2000 kg thóc giống bị cáo bán cho một người đàn ông

khoảng 50 tuổi là lái xe ô tô bán hàng rong bị cáo không biết tên tuổi địa chỉ được số tiền 16.000.000 đồng. Số thóc 2020 kg còn lại bị cáo để lại dùng trong sinh hoạt gia đình.

Kết luận định giá tài sản số 20/KL-ĐG ngày 6/6/2017 của Hội đồng định giá tài sản huyện Đ tại bút lục số 33 thì trị giá 1000 kg thóc giống Bắc thơm số 7 địa phương là 20.000.000 đồng.

Kết luận định giá tài sản số 38/KL-ĐG ngày 17/8/2017 của Hội đồng định giá tài sản huyện Đ tại bút lục số 34 thì trị giá 4.020 kg Thóc giống Bắc thơm số 7 địa phương là 80.400.000 đồng.

Bản Kết luận điều tra số 37/KLĐT ngày 27/01/2018 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ kết luận chuyển toàn bộ hồ sơ vụ án và bản Kết luận điều tra đến Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ đề nghị truy tố bị can Lường Văn C về tội Tham ô tài sản theo quy định tại khoản 2 Điều 353 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Kết quả tranh tụng tại phiên tòa cho thấy bị cáo Lường Văn C có tội. Chứng cứ chứng minh bị cáo là nhân viên khuyến nông cấp xã theo Quyết định hợp đồng của UBND huyện Đ làm công tác khuyến nông tại UBND xã M. Bị cáo có quyền hạn, đồng thời là người có trách nhiệm quản lý đối với số thóc bắc thơm Nhà nước giao cho bị cáo cấp phát hỗ trợ thóc giống của đợt rét đậm, rét hại năm 2016. Thông qua quyền quản lý cấp phát của mình được giao, bị cáo đã dùng thủ đoạn gian dối bằng cách ghi thêm số lượng cấp phát thóc giống so với cấp phát thực tế vào sổ viết tay của bị cáo để cân đối khớp số lượng. Cũng với cách làm đó, trong các danh sách cấp phát thóc giống cho các bản trong xã và các hộ gia đình bị cáo đã cho các trưởng bản và các hộ gia đình ký nhận vào danh sách nhưng không ghi số lượng cấp phát vào cột số lượng của danh sách cấp phát. Bằng thủ đoạn gian dối này bị cáo đã có được một khối lượng thóc giống dôi dư so với cấp phát thực tế là 5.020 kg thóc giống. Khi có được khối lượng thóc giống dôi dư, bị cáo Lường Văn C đã bán 2.000 kg được 16.000.000 đồng, gửi lại Trạm giống huyện Đ 1000 kg để sử dụng sau, đồng thời để lại sử dụng trong gia đình 2020 kg. Mục đích của bị cáo đã đạt được, hành vi phạm tội của bị cáo đã hoàn thành cả ý thức chủ quan, khách quan lẫn kết quả của việc chiếm đoạt và đều được bị cáo thực hiện bằng lỗi cố ý trực tiếp.

Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến hoạt động đúng đắn của cơ quan nhà nước, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức kinh tế của Nhà nước. Nhận định trên đủ cơ sở để khẳng định bị cáo Lường Văn C đã phạm vào tội Tham ô tài sản được quy định tại Điều 353 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ truy tố bị cáo về tội Tham ô tài sản là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Lường Văn C có đầy đủ năng lực để chịu trách nhiệm hình sự về hành vi của mình.

[3] Về tính chất mức độ phạm tội:

Tài sản bị cáo Lường Văn C tham ô của Nhà nước là 5.020 kg thóc giống loại bắc thơm số 7 địa phương có trị giá là 100.400.000 đồng. Giá trị tài sản bị cáo C chiếm đoạt ở trong khoảng từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng. Tính chất tội phạm của bị cáo thuộc trường hợp rất nghiêm trọng và bị cáo Lường Văn C phải chịu trách nhiệm hình sự về Tham ô tài sản theo tình tiết định khung tại điểm d khoản 2 Điều 353 Bộ luật Hình sự năm 2015 với mức phạt tù từ 07 năm đến 15 năm.

Bị cáo được áp dụng các quy định có lợi cho người phạm tội quy định tại điểm h khoản 2 Điều 2 Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội khóa XIV và khoản 3 Điều 7/BLHS năm 2015. Theo đó điểm d khoản 2 Điều 353/BLHS năm 2015 quy định khung hình phạt đối với hành vi của bị cáo là từ 07 đến 15 năm tù nhưng giá trị tài sản chiếm đoạt được quy định từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng có lợi hơn so với quy định tại điểm d khoản 2 Điều 278 của Bộ luật hình sự năm 1999. Hội đồng xét xử căn cứ vào giá trị tài sản mà bị cáo chiếm đoạt và các tình tiết khác để quyết định hình phạt phù hợp.

[4] Về nhân thân của bị cáo:

Lường Văn C sinh ra và lớn lên tại xã M, huyện Đ. Bị cáo học hết lớp 9 thì ở nhà phụ giúp gia đình. Năm 2002, bị cáo học lớp Trung cấp Nông nghiệp trường Trung cấp Kinh tế, Kỹ thuật tỉnh Điện Biên. Từ năm 2011 đến khi bị bắt bị cáo là hợp đồng nhân viên khuyến nông cấp xã công tác tại UBND xã M, huyện Đ. Bị cáo được giao nhiệm vụ đúng với chuyên môn đào tạo của mình. Trong quá trình thực hiện công tác bị cáo đã ham lợi nhuận, lợi dụng vào chính sách hỗ trợ của Nhà nước rồi dùng thủ đoạn chiếm đoạt tài sản để phải nhận một bản án không đáng có trong đời.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo lợi dụng tình trạng khẩn cấp, thiên tai để phạm tội. Đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo theo quy định tại điểm l khoản 1 Điều 52 BLHS năm 2015. Bị cáo đã bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự do vậy bị cáo không phải chịu tình tiết định khung theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 353 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình; Bị cáo đã tác động gia đình khắc phục một phần hậu quả do hành vi phạm tội của mình gây ra; ông Lường Văn Ấn được Hội đồng Nhà nước tặng Huân chương kháng chiến Hạng Ba. Ông Ấn là ông nội của bị cáo đã nuôi dưỡng bị cáo từ nhỏ đến khi trưởng thành; bản thân bị cáo có thành tích xuất sắc trong công tác xây dựng nông thôn mới và công tác thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội đảm bảo An ninh Quốc phòng được UBND xã M tặng Giấy khen. Nhận định trên đây là cơ sở để chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên về việc áp

dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS 2015.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn dân sự, ông Mùa A Kênh xuất trình văn bản của tập thể lãnh đạo Đảng ủy, HĐND, UBND, UBMTTQ xã M xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Lương Văn C. Hội đồng xét xử xét thấy trách nhiệm của chính quyền địa phương xã M nói riêng và các tổ chức nói C là C tay cùng các cơ quan Tư pháp và xã hội trong việc đấu tranh phòng chống tệ nạn tham nhũng. Để xảy ra tội phạm và tình trạng tham nhũng trên địa bàn xã M cũng là trách nhiệm quản lý của lãnh đạo xã. Do vậy việc xử lý tội phạm tham nhũng cần phải nghiêm khắc, triệt để và không có vùng cấm. Đề nghị của Đảng ủy, HĐND, UBND, UBMTTQ xã M về việc giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo không được Hội đồng xét xử chấp nhận để làm tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo.

Hội đồng xét xử xem xét áp dụng các tình tiết để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo nhưng vẫn phải nghiêm khắc cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để bị cáo cải tạo thành người có ích cho gia đình và xã hội.

[7] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 353 của Bộ luật hình sự năm 2015, bị cáo còn bị cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định từ 01 năm đến 05 năm, có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản. Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo đảm nhận trách nhiệm, chức vụ theo hợp đồng lao động, khi phát hiện ra hành vi vi phạm bị cáo đã bị UBND huyện Đchấm dứt hợp đồng lao động. Tuy nhiên bị cáo vẫn có chuyên môn về nông nghiệp theo bằng cấp bị cáo đã được đào tạo. Do vậy cần thiết phải cấm bị cáo đảm nhiệm chức vụ nhân viên khuyến nông có thời hạn. Hoàn cảnh của bị cáo khó khăn, tài sản trong gia đình bị cáo đã thực hiện một phần nghĩa vụ bồi thường cho Nhà nước. Điều kiện của bị cáo không có khả năng thi hành hình phạt bổ sung nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với Lương Văn C.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Tổng giá trị số thóc giống bắc thơm số 7 địa phương bị cáo chiếm đoạt 5020 kg là 100.400.000 đồng. Quá trình điều tra bị cáo đã bồi thường cho Nhà nước 50.000.000 đồng. Cơ quan điều tra đã thu hồi 1000 kg thóc của bị cáo để lại ở kho Công ty giống Điện Biên và bán đấu giá được 5.400.000 đồng. Trong số tiền bán đấu giá tài sản này có 1.200.000 đồng là tiền thù lao dịch vụ đấu giá và chi phí cho việc đấu giá. Như vậy xác định số tiền thu hồi của bị cáo trong việc bán đấu giá 1.000 kg thóc là 5.400.000 đồng, còn tiền thù lao dịch vụ đấu giá và chi phí cho việc đấu giá thì Nhà nước phải chịu 1.200.000 đồng. Tổng số tiền thu hồi được của bị cáo là 55.400.000 đồng, bị cáo còn phải tiếp tục bồi thường cho Nhà nước 45.000.000 đồng.

[9] Các vấn đề khác:

Đối với các ông Lò Văn T nguyên Chủ tịch UBND, Lò Văn V nguyên Phó chủ tịch UBND xã M, huyện Đ trong quá trình thực hiện nhiệm vụ đã đề Lường Văn C cán bộ khuyến nông của xã chiếm đoạt tài sản. Quá trình điều tra xác định ông T và ông V đã hành thực hiện đúng các quy định về việc thực hiện chức năng nhiệm vụ quyền hạn của Chủ tịch, Phó chủ tịch UBND cấp xã. Xét hành vi không cấu thành tội phạm, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không đề cập vấn đề xử lý trong vụ án này. Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với ông Lê Duy B Trám trưởng Trám giống huyện Đ đã cho Lường Văn C gửi thóc giống tại Trám giống, huyện Đ. Ông B không biết số thóc trên do Lường Văn C phạm tội mà có. Nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không đặt vấn đề xử lý. Hội đồng xét xử không xem xét.

Bị can khai nhận đã bán cho một người đàn ông khoảng 50 tuổi là lái xe ô tô bán hàng rong không biết tên tuổi địa chỉ, với số lượng 2.000 kg thóc giống Bắc thơm số 7 địa phương được số tiền 16.000.000 đồng. Vì vậy Cơ quan Cảnh sát điều tra không có cơ sở để điều tra làm rõ. Hội đồng xét xử không xem xét.

Số thóc giống 2.020 kg bị can để lại dùng trong sinh hoạt gia đình, do những người trong gia đình không ai biết số thóc này do bị can phạm tội mà có. Nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không đặt vấn đề xử lý trong vụ án. Hội đồng xét xử không xem xét.

Các Trưởng, phó bản xã M, huyện Đ đã nộp tiền bốc vác thóc giống cho bị can tổng số tiền là 2.450.000đ, bị can đã sử dụng để chi trả chi phí bốc vác hết. Xét đây là chi phí thực tế nên không đặt vấn đề giải quyết trong vụ án. Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo là người phạm tội ở vùng đặc biệt khó khăn theo quy định của Chính phủ đồng thời bị cáo có đơn đề nghị miễn án phí do vậy Hội đồng xét xử xem xét miễn án phí HSST và án phí DSST có giá ngạch cho bị cáo theo quy định tại Điều 136/BLTTHS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Căn cứ vào Điểm h khoản 2 Điều 2 Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội khóa XIV; Khoản 3 Điều 7; Điểm d khoản 2, khoản 5 Điều 353; Điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm l khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

1. Tuyên bố: Bị cáo **Lường Văn C phạm tội "**Tham ô tài sản**".**

- Xử phạt bị cáo **Lường Văn C 07** (Bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, ngày 03/7/2018.

Cấm bị cáo đảm nhiệm chức vụ nhân viên khuyến nông trong thời hạn 01 năm sau khi bị cáo chấp hành xong hình phạt tù.

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47; khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 2015; điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 357; Điều 468; Điều 584, Điều 585, Khoản 1 Điều 586, Điều 589 của Bộ luật dân sự năm 2015:

Buộc bị cáo **Lường Văn C** phải bồi thường cho Nhà nước số tiền 100.400.000 đồng (Một trăm triệu bốn trăm nghìn đồng). Bị cáo đã bồi thường 55.400.000 đồng (Năm mươi lăm triệu bốn trăm nghìn đồng). Số tiền bị cáo bồi thường đã được Công an huyện Đ chuyển vào tài khoản tạm giữ của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ 54.200.000 đồng theo Ủy nhiệm chi số 01 ngày 21/5/2018 tại Kho Bạc Nhà nước huyện Đ. Số tiền còn lại 1.200.000 đồng tiền thù lao dịch vụ đấu giá và chi phí cho việc đấu giá do Nhà nước chịu. Bị cáo còn phải bồi thường tiếp 45.000.000 (Bốn mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật nếu bị cáo không tự nguyện thi hành đối với khoản tiền bồi thường cho Nhà nước thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Án phí: Áp dụng Điều 136/BLTTHS; Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH khóa XIV về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Miễn án phí HSST và án phí DSST có giá ngạch cho bị cáo.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo và nguyên đơn dân sự. Bị cáo được quyền kháng cáo bản án; nguyên đơn dân sự được quyền kháng cáo về phần bồi thường thiệt hại trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 15/6/2018.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

- VKSND tỉnh;
- Sở Tư pháp tỉnh Điện Biên;
- Phòng HSNV Công an tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện Đ;
- Nhà tạm giữ Công an huyện Đ;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ;
- Công an huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Bị cáo, Nguyên đơn dân sự;
- Lưu.

Nguyễn Mạnh Huân